

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ DÂN SINH Ở VIỆT NAM TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

NGUYỄN TÀI ĐÔNG (*)

Khẳng định một trong những nguyên nhân dẫn đến thành công của công cuộc đổi mới ở Việt Nam hơn 20 năm qua là nhờ thực hiện có hiệu quả chủ trương đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc giải quyết hợp lý những vấn đề xã hội và dân sinh, trong bài viết này, tác giả đã đưa ra và luận giải 3 vấn đề: 1. Thành quả đổi mới và chủ trương chung về vấn đề xã hội và dân sinh; 2. Phát triển bền vững và vấn đề công bằng; 3. Vấn đề người yếu thế trong xã hội: nông dân và người dân tộc thiểu số.

1. Thành quả đổi mới và chủ trương chung về vấn đề xã hội và dân sinh

Nhờ công cuộc đổi mới, Việt Nam đã từ một nước nghèo, lạc hậu trở thành một nước đang phát triển nhanh với mức sống của người dân ngày càng được nâng cao. Bằng con đường đổi mới, các tiềm năng của người dân dần được hiện thực hóa trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và đời sống xã hội. Trong những năm đầu của công cuộc đổi mới, sự thay đổi rõ nét từ một nền kinh tế lạm phát lớn với đời sống vật chất đầy khó khăn sang một nền kinh tế thị trường năng động, giá cả ổn định, thu nhập của người dân ngày một tăng đã khẳng định sự đúng hướng, cần thiết và tất yếu phải tiến hành đổi mới. Mặc dù tình hình thế giới có nhiều biến động, nhất là biến cố sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu gây ảnh hưởng không nhỏ tới Việt Nam, song Việt Nam vẫn có những bước phát triển đáng ghi nhận. Trong lĩnh vực nông nghiệp, ngoài những thành tựu đáng kể về thủy sản, cao su, cà phê..., Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Trong thời

kỳ đổi mới, sản lượng lương thực có tốc độ phát triển nhanh gấp rưỡi, thậm chí gấp đôi so với thời kỳ trước đó. Chính vì vậy mà tỷ lệ nghèo đói đã giảm nhanh chóng từ 3/4 xuống dưới 1/4 chỉ sau hai thập kỷ. Tốc độ tăng trưởng GDP cao của Việt Nam cũng thể hiện sự thành công của công cuộc đổi mới.

Các chỉ số xã hội cũng ngày càng được cải thiện từ sau đổi mới. Việt Nam vốn có tỷ lệ đi học ở bậc tiểu học và trung học cơ sở ở mức cao so với một số quốc gia có thu nhập thấp, song từ sau đổi mới, tỷ lệ này ngày càng được gia tăng. Bậc tiểu học gần như đã được phổ cập hoàn toàn. Xóa mù chữ và gia tăng tỷ lệ đi học là thành công nổi bật của ngành giáo dục cũng như của cả xã hội. Số lượng người theo học phổ thông trung học và đại học ngày càng cao, bất chấp nhiều khó khăn do xóa bỏ hệ thống bao cấp giáo dục. Số liệu y tế cũng cho thấy những tiến bộ đáng kể. Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi giảm nhanh,

(*) Tiến sĩ, Phó trưởng phòng Tổ chức, đào tạo và quản lý khoa học, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

đạt tỷ lệ tương đương với một số quốc gia phát triển hơn trong khu vực. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm từ 50% năm 1990 xuống còn 30% năm 2002; cơ bản đã thanh toán một số dịch bệnh phổ biến trước đây. Chế độ dinh dưỡng được nâng cao kết hợp với khả năng mua thuốc và một chương trình tiêm chủng sâu rộng đã giúp nâng tuổi thọ trung bình lên mức phổ biến ở các quốc gia có thu nhập trung bình: năm 2000 là 67,8 tuổi; năm 2005 là 71,5 tuổi(1). Các chỉ số phát triển đã nêu trên đây cho chúng ta thấy *chỉ số phát triển con người ở Việt Nam* cũng đã có những bước tiến đáng ghi nhận. Theo số liệu trong Báo cáo phát triển con người (HDR) của UNDP trong các năm 2001, 2004, 2005, chỉ số phát triển con người của Việt Nam đã có dấu hiệu tăng đáng kể: năm 1990 là 0,610; năm 1995 là 0,649; năm 1997 là 0,664, năm 2000 là 0,686; năm 2002 là 0,691; năm 2003 là 0,704. Để đạt được những thành quả nêu trên, không có cách nào khác, Việt Nam đã lựa chọn một con đường duy nhất là phát triển kinh tế nhanh và bền vững, lấy phát triển kinh tế làm tiền đề cho phát triển con người.

Sở dĩ đổi mới đem lại những thành công nhanh chóng, một trong những lý do quan trọng là Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam không có mục đích nào khác ngoài mục đích đem lại sự phồn vinh, hạnh phúc cho người dân. Cải cách hệ thống kinh tế, chính trị và dân chủ hoá không phải là mục đích riêng của bất kỳ ai mà nhằm phục vụ cho sự phồn vinh của toàn dân.

Những chủ trương, chính sách đổi mới và các đột phá lý luận về vấn đề xã hội, dân sinh vừa nảy sinh trực tiếp từ chính cuộc sống, vừa được bắt nguồn từ tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong quá trình tiếp

thu, vận dụng chủ nghĩa Mác và tinh hoa văn hóa nhân loại vào trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định hạnh phúc của nhân dân là mục tiêu cuối cùng, cao nhất của cách mạng. “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên”(2); do vậy, “chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*”. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm, Đảng và Chính phủ có lỗi”(3). Từ góc độ này, có thể nói, Hồ Chí Minh đã lấy chủ nghĩa dân sinh để giải thích chủ nghĩa xã hội. Với Người, “xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội”(4). Với Người, chủ nghĩa xã hội là “mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do”(5), ai cũng được “hạnh phúc và học hành tiến bộ”, “chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh”(6). Và, khi khẳng định ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích nào khác; Đảng và Chính phủ là “công bộc” của nhân dân, Người đã nhấn mạnh: Đảng và Chính

(1) Tham khảo David Dapice. *Ngại bay: Tại sao duy trì cải cách ở Việt Nam khó như vậy*. Chương trình phát triển Liên hợp quốc, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Đại sứ quán Thụy Điển tại Hà Nội. “Kỷ yếu Hội thảo cấp cao lần thứ tư về tổng kết 20 năm đổi mới”. Hà Nội, ngày 15-16 tháng 6 năm 2006.

(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.689.

(3) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr.572.

(4) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.591.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.8, tr.395.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.8, tr.226.

phủ phải luôn có trách nhiệm với nhân dân. Với Người và các nhà hoạt động cách mạng Việt Nam tiền bối, 3 hệ giá trị cao quý nhất, gắn bó mật thiết với nhau và nó đã thực sự trở thành tiêu ngữ của nước Việt Nam là: “Độc lập – Tự do – Hạnh phúc”. Người đã đưa ra một tuyên bố và lấy đó làm triết lý nhân sinh cho mình: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”(7).

Tiếp thu tư tưởng Hồ Chí Minh, các Văn kiện Đại hội Đảng đều tập trung nhấn mạnh đến vai trò cũng như phương thức để mang lại sự phồn vinh, ấm no cho người dân. Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”(8).

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng đã rút ra năm bài học kinh nghiệm quý báu, trong đó bài học thứ ba nhấn mạnh đến mục tiêu của đổi mới chính là phục vụ lợi ích của nhân dân, vì sự phát triển của đời

sống xã hội: “*Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới*”(9) Cùng với đà phát triển của công cuộc đổi mới, những chủ trương trên đã dần dần được cụ thể hóa và thể chế hóa thành một hệ thống các chính sách có liên quan trên nhiều lĩnh vực, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con người(10).

2. Phát triển bền vững và vấn đề công bằng

Ở Việt Nam, mục tiêu chung của công cuộc đổi mới là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Để thực hiện mục tiêu đó, hơn 20 năm qua, công cuộc đổi mới của Việt Nam luôn quán triệt quan điểm “phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”, “tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh”. Bên cạnh tăng trưởng kinh tế, hai nội dung quan trọng là giải quyết một cách hài hoà mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội cũng

(7) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.161.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.17-18.

(9) Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. *Tài liệu học tập Nghị quyết Đại hội X của Đảng (Dành cho cán bộ, đảng viên cơ sở)*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.27.

(10) Tham khảo các chính sách được phân tích trong: Phạm Xuân Nam. *Công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường và kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*. Tạp chí *Triết học*, số 2 (201) năm 2008.

được đặc biệt chú trọng. Kinh tế có tăng trưởng, xã hội có bình đẳng, môi trường sinh thái có được bảo vệ và sử dụng hợp lý thì mới có phát triển bền vững cũng như ổn định xã hội.

Văn kiện Đại hội X của Đảng đặt ra mục tiêu về xã hội là phải “kết hợp chặt chẽ, hợp lý các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương”; “thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, cống hiến với hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ hơn cho phát triển kinh tế - xã hội”(11). “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển” là một chủ trương quan trọng để gắn phát triển với tiến bộ xã hội, công bằng xã hội. Để thực hiện mục tiêu này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra những nhiệm vụ và giải pháp lớn như sau :

Một là, khuyến khích mọi người làm giàu theo luật pháp, thực hiện có hiệu quả các chính sách xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tốt công bằng xã hội.

Hai là, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm dịch vụ công cộng thiết yếu, tạo điều kiện cho mọi người, kể cả người nghèo được đáp ứng nhu cầu về giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe, văn hoá - thông tin, thể dục, thể thao, tạo việc làm..., xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương, phân phối thu nhập.

Ba là, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi.

Bốn là, thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, giảm tốc

độ tăng dân số; chú trọng giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc; vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa...

Năm là, đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng; từng bước chuyển các cơ sở công lập dịch vụ công cộng đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp, mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ, không bao cấp tràn lan và không vì mục tiêu lợi nhuận(12).

Xét về GDP, kinh tế Việt Nam đạt thành tích khá với tốc độ tăng bình quân năm thời kỳ 2002 - 2007 là 8,1%. Tuy nhiên, trong các năm 2008 và 2009, kinh tế Việt Nam có những sụt giảm đáng kể. Việc chính phủ chạy theo tốc độ tăng GDP mà ít có những biện pháp ổn định xã hội tương ứng được thể hiện qua một loạt các chỉ số xấu, như chỉ số chứng khoán, con số nhập siêu hàng hóa, chỉ số giá tiêu dùng, tỷ lệ lạm phát, số lượng các cuộc đình công, v.v..(13)

Đứng trước tình hình đó, tháng 4 năm 2008, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã công bố Kết luận 22-KL/TW về “Một số vấn đề về kinh tế - xã hội quý I/2008 cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo”, đồng thời quyết định không tăng trưởng GDP bằng mọi giá, phải gắn phát triển kinh tế với thực hiện an sinh xã hội và nêu bật mục tiêu cho thời gian tới là: “Kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội”(14). Ngay

(11) Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. Sdd., tr.49.

(12) Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. Sdd., tr.50-51.

(13) Vũ Quang Việt. *Quan hệ lao động và doanh nghiệp thời mở cửa làm thành viên WTO*. Diễn Đàn, 13 March 2007.

(14) <http://www.sggp.org.vn/kinhte/2008/4/148112/>

sau đó, tình hình lạm phát đã dần dần được khống chế, và đến tháng 8 năm 2008, trong tổng kết tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2008, Bộ Chính trị lại lưu ý thêm 5 vấn đề lớn, trong đó có vấn đề đảm bảo an sinh xã hội, nhất là an sinh xã hội cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ cận nghèo, vùng bị thiên tai, người lao động có thu nhập thấp... Đây là một minh chứng rõ nét cho việc thực hiện tốt chủ trương “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển” mà Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đã vạch ra.

Công bằng xã hội là vấn đề được Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm từ rất sớm. Hồ Chí Minh đã mượn lời của Khổng Tử để nói lên suy nghĩ của Người: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”(15). Theo quan niệm này, công bằng xã hội đầu tiên phải được tính đến là công bằng trong phân phối. Trước đổi mới, Việt Nam chủ yếu thực hiện chế độ phân phối mang tính bình quân, bước vào thời kỳ đầu đổi mới, Việt Nam nhấn mạnh nguyên tắc phân phối theo lao động. Tại Đại hội VII (năm 1991), nguyên tắc phân phối được xác định là phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh là chính. Ngoài tiêu chí phân phối theo lao động thì tiêu chí phân phối theo vốn đóng góp cũng được đề cập và khẳng định. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 1/1994) đã nêu ra nguyên tắc phân phối mới mà theo đó, “phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh”. Nguyên tắc phân phối này đã được bổ

sung, hoàn chỉnh hơn tại Đại hội IX (năm 2001) mà theo đó, “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội”(16). Cần lưu ý rằng, quan điểm công bằng xã hội ở đây khác với tư tưởng “cào bằng” giản đơn trước kia, đúng như Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã nêu rõ: “Thực hiện nguyên tắc ai làm việc có hiệu quả cao hơn, có đóng góp nhiều hơn thì thu nhập lớn hơn và ngược lại; chống chủ nghĩa bình quân, chống dựa dẫm, ỷ lại..., khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói giảm nghèo; coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển”(17).

Trong quá trình thảo luận về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện công bằng xã hội, vấn đề bất bình đẳng có phải là tất yếu trong quá trình phát triển không cũng được nêu ra và thảo luận. Có những ý kiến cho rằng, bất bình đẳng là một tất yếu và là cái giá phải trả cho sự

(15) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.12, tr.185.

(16) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 1 năm 2006, khi bàn về vấn đề công bằng xã hội cũng khẳng định tương tự: “Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.77-78.)

(17) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.424.

phát triển, cái giá của nền kinh tế thị trường. Ở đây, ví dụ được nêu ra là, nếu những người tài cũng chỉ có mức lương như những người khác thì sẽ không có động lực cho họ đóng góp nhiều hơn và do đó, có thể làm chậm sự phát triển chung của toàn xã hội. Ý kiến này cho rằng, cần chấp nhận những loại bất bình đẳng kích thích sự phát triển. Tuy nhiên, lại có những ý kiến phản đối quan điểm trên, khi cho rằng, sự gia tăng nhanh chóng của bất bình đẳng không phải là một tiền đề của sự phát triển và cũng không ai mong muốn điều đó. Các nước, các vùng lãnh thổ láng giềng, như Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan là những ví dụ và bài học kinh nghiệm. Cụ thể, bất bình đẳng được duy trì ở mức thấp tại Nhật Bản trong những năm 90 của thế kỷ XX và không hề có dấu hiệu gia tăng cho đến khi khủng hoảng; tương tự, ở Đài Loan cũng không hề có dấu hiệu gia tăng bất bình đẳng. Quan điểm này đã được củng cố thêm với lập luận rằng, xung đột xã hội thường có cái giá rất đắt và không có lợi cho nền kinh tế⁽¹⁸⁾.

3. Vấn đề người yếu thế trong xã hội: nông dân và người dân tộc thiểu số

Công việc bức thiết nhất, cũng là nổi cộm nhất trong quá trình thực hiện an sinh xã hội nói chung, giải quyết các nhu cầu cho nhóm yếu thế trong xã hội nói riêng chính là xóa đói, giảm nghèo. Sau đổi mới, sản lượng lương thực năm 1995 tăng lên 25 triệu tấn, so với năm 1987 đã tăng 65% hay khoảng 40% tính theo đầu người. Sự nhảy vọt về hiệu quả sản xuất nông nghiệp và tính linh hoạt trong dịch chuyển lao động đã giúp giảm mạnh tỷ lệ

nghèo đói. Tỷ lệ hộ nghèo đói theo chuẩn quốc tế tại Việt Nam giảm mạnh từ 75% xuống chỉ còn 25% trong 20 năm (từ 1986 đến 2005). Nếu dùng tiêu chuẩn lương thực của Việt Nam (2.100 calorie mỗi người một ngày), thì tỷ lệ hộ nghèo đói là khoảng 15% năm 1998 và khoảng 13% năm 2000, phần lớn tập trung vào các vùng thôn quê và miền núi⁽¹⁹⁾. Theo đánh giá của Liên hợp quốc, Việt Nam đã hoàn thành sớm hơn mục tiêu xóa đói, giảm nghèo trong việc thực hiện “Mục tiêu thiên niên kỷ” mà Việt Nam đã cam kết thực hiện. Do đó, Việt Nam được coi là một trong những nước đã xóa bỏ tình trạng đói nghèo nhanh nhất thế giới hiện nay⁽²⁰⁾.

Đại hội X đã ghi nhận thành quả xã hội, dân sinh của 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, trong đó có công tác xóa đói, giảm nghèo: “Việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có những chuyển biến

(18) Tham khảo ý kiến của tác giả Võ Đại Lực và ý kiến phản hồi của học giả Jomo trong: *Chương trình phát triển Liên hợp quốc*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Đại sứ quán Thụy Điển tại Hà Nội, “Kỷ yếu hội thảo cấp cao lần thứ tư về tổng kết 20 năm đổi mới”, Hà Nội, ngày 15-16 tháng 6 năm 2006.

(19) Tham khảo: Trần Nam Bình. *Vai trò của bất bình đẳng kinh tế, ghen tị và thiếu thốn tương đối, trong phát triển bền vững tại Việt Nam*. Thời đại mới – Tạp chí Nghiên cứu và thảo luận, số 14 - tháng 7/2008.

(20) Tham khảo: PGS, TS. Phạm Thị Ngọc Trâm. *Kết hợp mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội nhân văn trong thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam*. Trong: Phạm Văn Đức, Đặng Hữu Toàn, Trần Văn Đoàn, Ubrich Dornberg (Đồng chủ biên). *Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008, tr.125.

tốt. 5 năm qua đã tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động. Công tác xóa đói, giảm nghèo thu được kết quả tốt, tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2005 giảm còn 7%, vượt mục tiêu đề ra là 10% (theo chuẩn cũ). Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt được nhiều kết quả, hầu hết các xã, phường trong cả nước đều có trạm y tế, trong đó 15% đạt chuẩn quốc gia về y tế xã, hoạt động y tế dự phòng được đẩy mạnh; khống chế và đẩy lùi được một số dịch bệnh nguy hiểm; tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng từ 67,8 (năm 2000) lên 71,5 (năm 2005)"(21). Bên cạnh việc xóa đói, giảm nghèo thì các tiêu chí về giáo dục, như xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, các tiêu chí về chăm sóc sức khỏe nhân dân như chỉ số phát triển con người của nhóm người yếu thế trong xã hội cũng tăng lên rõ rệt.

Cùng với sự phát triển kinh tế, những thành quả về mặt giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là vấn đề xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam đã nhận được sự đánh giá cao của các nhà quan sát quốc tế. Nếu chúng ta chú ý đến hai nhóm cộng đồng dễ rơi vào đối tượng người yếu thế trong xã hội là nông dân và người dân tộc thiểu số thì có thể thấy, Đảng Cộng sản và Chính phủ Việt Nam có quyền tự hào về chính sách phát triển hai nhóm cộng đồng này. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, một trong những mâu thuẫn xã hội gay gắt nhất trong tương lai mà các học giả đề cập đến chính là mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn do sự cách biệt về khoảng cách giàu nghèo gây ra(22). Vấn đề khoảng cách giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị, giữa nông dân và các giai tầng khác trong xã hội đang là một

thách thức lớn đối với Việt Nam trong việc giải quyết ổn thỏa các vấn đề xã hội nhằm đạt được sự ổn định, công bằng và tiến bộ xã hội.

Mặc dù kinh tế phát triển kéo theo luồng người đổ từ nông thôn vào các thành thị, song cho đến nay, nông dân Việt Nam vẫn chiếm tới 70% dân số cả nước, giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển xã hội. Nông thôn Việt Nam có trình độ công nghiệp hóa thấp và tỷ lệ thất nghiệp cao. So với khu vực đô thị, khu vực nông thôn không chỉ kém hơn về hạ tầng cơ sở, mà còn kém hơn cả về điện, nước vệ sinh, dịch vụ y tế, giáo dục và văn hóa. Thu nhập của nông dân chỉ bằng một phần ba mức bình quân của cả nước và bằng một phần tư mức bình quân ở thành thị, chính vì vậy mà tình trạng đói nghèo cũng tập trung chủ yếu ở nông thôn với 90% hộ nghèo được thống kê là ở vùng nông thôn. Vốn ngân sách nhà nước dành cho nông nghiệp,

(21) Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. *Tài liệu học tập Nghị quyết Đại hội X của Đảng (Dành cho cán bộ, đảng viên cơ sở)*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.16.

(22) Có một số ý kiến khác cho rằng, mâu thuẫn trong nội bộ thành thị và nông thôn ngày càng trở nên chủ yếu hơn: "ở Việt Nam, mức độ bất bình đẳng quan sát được trong giai đoạn 1993 - 1998 là do sự chênh lệch ngày càng lớn giữa khu vực nông thôn và thành thị. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1998 - 2002, bất bình đẳng trong nội bộ khu vực thành thị và trong nội bộ khu vực nông thôn lại là yếu tố chính giải thích cho sự gia tăng bất bình đẳng". Tham khảo: Báo cáo về bất bình đẳng của Việt Nam 2005: Đánh giá và những lựa chọn chính sách (Báo cáo tổng hợp của Mekong Economics Ltd. về dự án "Các nhân tố gây ra bất bình đẳng ở Việt Nam" do DFID tài trợ Bản thảo lần hai - 3.6.2005).

nông thôn, cũng như vốn đầu tư FDI cho nông nghiệp vẫn rất thấp, nhiều gia đình nông dân trồng lúa mà không đủ gạo ăn cho cả nhà(23). Nông dân là bộ phận ít được hưởng phúc lợi xã hội nhất, đặc biệt là về giáo dục và y tế. Nông dân là những người khởi xướng đổi mới và tham gia tích cực vào quá trình đổi mới, nhưng nay lại là những người ít được hưởng lợi của đổi mới nhất. Theo đánh giá của một số chuyên gia hàng đầu về kinh tế nông nghiệp Việt Nam thì nông dân vẫn đang còn rất nghèo và luôn trong tình trạng mấp mé bên bờ vực của tái nghèo do việc giải quyết giảm nghèo chưa gắn liền với phát triển kinh tế nông thôn(24). Hàng triệu nông dân đã phải bỏ thôn quê để đi tìm việc tại thành thị, sự di cư của họ tạo ra một sự nghèo khổ mới ở thành thị, sự nghèo khổ này đã bị đánh giá thấp xa so với thực tế(25).

Đánh giá về những yếu kém của nền kinh tế Việt Nam sau 20 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: Nền kinh tế tăng trưởng chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Trong lĩnh vực xã hội, những yếu kém biểu hiện tập trung ở chỗ: Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt; kết quả xoá đói, giảm nghèo chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn lớn; khoảng cách chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng doãng rộng...(26).

Về khía cạnh dân tộc của tình trạng nghèo đói, một số ý kiến cho rằng, tỷ lệ nghèo đói trong nhóm dân tộc thiểu số đã giảm chậm hơn nhóm người Hoa và người Kinh. Theo Báo cáo Phát triển Việt Nam

năm 2004, số người nghèo thuộc các nhóm dân tộc thiểu số có thể chiếm tới 40% tổng số người nghèo ở Việt Nam vào năm 2010. Tuy nhiên, nhìn chung thì các dân tộc thiểu số rõ ràng được hưởng lợi từ việc mở rộng cơ sở hạ tầng xã hội, đặc biệt khi sự mở rộng được đo bằng khả năng tiếp cận vật chất. Ví dụ, hầu hết các xã đều có trường tiểu học và trạm xá xã, mức độ bao phủ mạng lưới điện trong các vùng hộ gia đình dân tộc thiểu số chiếm số đông đã được cải thiện, từ 7% năm 1993 đến 43% năm 2004(27).

Từ trước đến nay, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam vẫn liên tục có chính sách ưu tiên và dành một phần đáng kể nguồn vốn cho sự phát triển của các dân tộc thiểu số. Có thời điểm, vốn đầu tư cho các dân tộc thiểu số chiếm khoảng 30% tổng số vốn đầu tư phát triển của cả nước. Một loạt các chương trình, dự án lớn được tiến hành đồng bộ để tạo điều

(23) Đỗ Tuyết Khanh. *Khủng hoảng lương thực thế giới và nông nghiệp Việt Nam*. Hội thảo "Nhìn lại Việt Nam năm 2008", Paris, 8-2009.

(24) Tham khảo: GS.VS. Đào Thế Tuấn. *Vấn đề xã hội ở nông thôn Việt Nam*. Trong: Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế "Trách nhiệm xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường", Hải Phòng, 12-15 tháng 2 năm 2009.

(25) Ý kiến của Giáo sư Lương Văn Hy. Trong: "Kỷ yếu Hội nghị bàn tròn cấp cao lần thứ nhất về tổng kết 20 năm đổi mới". Viện Khoa học xã hội Việt Nam và UNDP, Hà Nội, ngày 12 tháng 1 năm 2005.

(26) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.61-63.

(27) Xem: *Báo cáo về bất bình đẳng của Việt Nam 2005: Đánh giá và những lựa chọn chính sách* (Báo cáo tổng hợp của Mekong Economics Ltd. về dự án "Các nhân tố gây ra bất bình đẳng ở Việt Nam" do DFID tài trợ Bản thảo lần hai - 3.6.2005).

kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số phát triển, đáng chú ý là Chương trình 135 (Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi); Chương trình 132 (đầu tư cơ sở hạ tầng, giải quyết đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ dân làm mới và sửa chữa nhà ở); Chương trình 134 (Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn), v.v.. Ngoài ra, Chính phủ còn có nhiều chỉ thị, quyết định và biện pháp cụ thể đối với một số vùng đặc thù có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống(28).

Các chương trình, dự án này đã mang lại kết quả khả quan rõ rệt cho đồng bào dân tộc thiểu số, giảm khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và giữa các vùng trong cả nước. Cơ sở hạ tầng ngày càng được đảm bảo, tỷ lệ thôn, bản có điện, đường, lớp học, nhà văn hoá, công trình thuỷ lợi tăng đều so với trước. Mức độ tăng trưởng kinh tế khu vực đồng bào dân tộc thiểu số tăng cao, thậm chí cao hơn mức tăng trưởng toàn quốc, số hộ đói nghèo giảm mạnh. Ước tính đến năm 2010, không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn dưới 30%; trên 70% số hộ đạt mức thu nhập bình quân đầu người trên 3,5 triệu đồng(29). Chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số định canh, định cư để ổn định đời sống cũng được quan tâm. Bên cạnh đó, việc nâng cao, mở rộng giáo dục và y tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số cũng được hiện thực hóa thông qua các nghị định và chương trình của Chính phủ cũng như rất nhiều các dự án quốc tế.

Trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam

còn đang bắt đầu phát triển, bối cảnh kinh tế thế giới liên tục biến động, việc duy trì chính sách đúng đắn để ổn định, phát triển xã hội và dân sinh ở nước ta là hoàn toàn không dễ dàng, việc vượt qua các thách thức để gạt hái một số thành công cơ bản lại càng khó khăn hơn nữa. Đã có nhiều đánh giá ghi nhận một cách tương đối khách quan những thành công này, đặc biệt là khi so sánh với các điều kiện kinh tế khác: “Thành tích xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam cũng là một trong những kỷ lục khó vượt qua. Những thành tựu này là vô cùng ấn tượng”; “về phương diện phát triển con người, Việt Nam đã đạt được những thành công vô cùng ấn tượng trong hai thập kỷ trở lại đây. Nếu căn cứ vào các chỉ số phát triển chủ yếu thì Việt Nam thậm chí còn vượt lên trên nhiều nước giàu có hơn”(30). Những thành công này không chỉ là sự ghi nhận công sức của cả nước trong suốt quá trình đổi mới, mà còn là cột mốc đánh dấu quá trình phát triển đúng hướng của Việt Nam hiện tại và tương lai.□

(28) Tham khảo: TS. Vương Xuân Tình. *Chu cấp hay hội nhập? Về trách nhiệm của Nhà nước với các dân tộc thiểu số ở miền núi Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế “Trách nhiệm xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường”, Hải Phòng, 12 – 15 tháng 2 năm 2009.

(29) Tham khảo: TVT. “Một số suy nghĩ về Chương trình 135 giai đoạn II sau 3 năm thực hiện”, <http://cema.gov.vn/modules.php?name=News&op=detailsnews&mid=1738>, 16/1/2009.

(30) Chương trình châu Á, Harvard University, John F.Kennedy, School of Government. “Lựa chọn thành công - Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam. Một khuôn khổ chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020”, 1 – 2008.